

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2019

V/v “Ly hôn, quyền nuôi con,  
tài sản chung và nợ chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Ông Nguyễn Thông Thái

2. Ông Trương Tấn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Quốc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Đào Thanh Tuấn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình, thụ lý số: 301/2018/TLST-HNGĐ, ngày 20/6/2018; về việc: “Ly hôn, tranh chấp tài sản chung và nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXX ngày 13/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019/QĐ-HPT ngày 08/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1986

Địa chỉ: xóm 23, thôn Hà Thủy 3, xã Chí Công, huyện T, tỉnh B

Bị đơn: ông **Mai Văn V**, sinh năm 1982

Địa chỉ: xóm 23, thôn Hà Thủy 3, xã Chí Công, huyện T, tỉnh B

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng nông nghiệp & PTNT Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp & PTNT Phan Rí Cửa**, do ông: Hồ Thanh Bình, Phó giám đốc chi nhánh, đại diện theo ủy quyền.

(Các đương sự đều có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn xin ly hôn đề ngày 17 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:**

Bà và ông Mai Văn V xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, đến năm 2004 thì mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Chí Công, theo giấy chứng nhận kết hôn số 12; quyền sở 16 ngày

24/02/2004. Cuộc sống của vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến khoảng tháng 4 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V ghen tuông, nghi ngờ bà có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, ông chửi bới đánh đập bà, do không chịu đựng được nữa, nên từ tháng 02/2018 bà đi làm ở TP. Hồ Chí Minh thì ở nhà ông V có mối quan hệ như vợ chồng với người phụ nữ khác. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không đạt được hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung, Mai Văn Chương, sinh 18/12/2003, Mai Thị Thúy Vy, sinh 03/9/2005 và Mai Văn Trung, sinh 16/8/2007. Hiện bà đang nuôi các con, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cả 03 con đến khi thành niên, bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Năm 2008 cha mẹ chồng cho 01 lô đất có diện tích 98,1 m<sup>2</sup> (đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), năm 2012 vợ chồng xây dựng trên đất 1 căn nhà cấp 4, tại xóm 23, thôn Hà Thủy 3, xã Chí Công, hiện ông V đang quản lý sử dụng. Nay đồng ý giao nhà đất cho ông V, bà yêu cầu căn cứ vào giá đã định chia cho bà ½ giá trị căn nhà đất.

Về nợ chung: Khi xây dựng nhà, vợ chồng có vay tiền của Ngân hàng nông nghiệp & PTNT Phan Rí Cửa, đến khi hết hạn thì trả và vay lại đến nay còn nợ 30.000.000đ và lãi phát sinh. Bà nhận trả ½ số nợ và yêu cầu ông V có trách nhiệm trả ½ số nợ cho Ngân hàng. Tại phiên tòa hôm nay, nếu ông V không chịu trả thì bà sẽ nhận trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng.

**Bị đơn ông Mai Văn V trình bày:**

Ông và bà Nguyễn Thị Kim L xác lập quan hệ vợ chồng vào tháng 02 năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, đến năm 2004 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Chí Công, theo giấy chứng nhận kết hôn số 12; quyền số 16 ngày 24/02/2004. Cuộc sống của vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2018 thì bà L sinh tâm ngoại tình, tự ý bỏ gia đình chồng con ra đi đến nay không có trách nhiệm gì với chồng con. Từ đó ông vẫn một mình làm ăn nuôi các con ổn định. Nay ông nhận thấy rằng tình cảm vợ chồng đã hết, vợ chồng ông không thể nào tiếp tục sống chung với nhau được nữa, bà L yêu cầu ly hôn, ông chấp nhận.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung, Mai Văn Chương, sinh 18/12/2003, Mai Thị Thúy Vy, sinh 03/9/2005 và Mai Văn Trung, sinh 16/8/2007. Hiện bà L đã đưa các con đi theo bà L. Nay bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi các con và các con ông cũng có nguyện vọng được ở với bà L, nên ông chấp nhận.

Về tài sản chung: có 1 căn nhà cấp 4 của vợ chồng xây dựng năm 2012 đất của cha mẹ ông cho năm 2008, nhà đất hiện nay chưa có giấy tờ của Nhà nước công nhận chủ quyền, tại xóm 23, thôn Hà Thủy 3, xã Chí Công, hiện ông đang quản lý sử dụng. Ông yêu cầu được giữ lại căn nhà cho các con, lý do là bà L ngoại tình tự bỏ nhà ra đi nên không đồng ý chia tài sản cho bà L,

Đối với nợ số nợ do bà L vay của Ngân hàng nông nghiệp & PTNT Phan Rí Cửa 30.000.000đ, số tiền vay này ông không biết, nên không L quan gì đến trách nhiệm của ông, ông không chấp nhận trả nợ cho Ngân hàng.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan ông Hồ Thanh Bình khai:**

Về nguồn gốc số nợ; bà L vay từ năm 2009 số tiền vay là 7.000.000đ. mục đích sử dụng là mua sắm lưới đánh bắt hải sản, đến năm 2011 trả vay lại số tiền

12.000.000đ mục đích mua sắm lưới đánh bắt hải sản, đến năm 2014 trả vay lại số tiền 20.000.000đ mục đích mua sắm lưới đánh bắt hải sản, đến năm 2015 trả vay lại số tiền 20.000.000đ mục đích mua sắm lưới đánh bắt hải sản, đến năm 2016 trả vay lại số tiền 30.000.000đ mục đích mua sắm lưới đánh bắt hải sản, đến năm 2017 trả vay lại số tiền 30.000.000đ mục đích mua sắm lưới đánh bắt hải sản. Đến năm 2018 trả và vay lại theo Sổ vay vốn số 201801440, phụ lục số 02B/SVV-CN, với số tiền vay 30.000.000đ mục đích mua sắm lưới; thời hạn vay 24 tháng (từ 17/5/2018 đến ngày 14/5/2020); lãi suất trong hạn 10,5% năm; lãi suất quá hạn: 15,75% năm. Lãi suất vay có điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/lần, phù hợp với quy định lãi suất cho vay của Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp&PTNT Bình Thuận. Hình thức cho vay tín chấp.

Tại thời điểm vay vốn, ông Mai Văn V là chồng hợp pháp của bà L, là người thừa kế quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng vay vốn.

Quá trình thực hiện hợp đồng từ khi vay tiền cho đến nay, bà L đã trả lãi đến 15/6/2018, chưa trả gốc. Tính đến nay số tiền nợ là 32.450.000 đ.(gốc: 30.000.000đ; lãi 2.450.000 đ)

Mặc dù chưa hết hạn hợp đồng, nhưng xét thấy hiện nay vợ chồng bà L, ông V ra Tòa ly hôn, nên cần thanh lý hợp đồng để xác định nghĩa vụ trả nợ của bà L và ông V đối với Ngân hàng. Trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng yêu cầu bà L và ông V mỗi người phải trả có trách nhiệm  $\frac{1}{2}$  số nợ. Tại tòa hôm nay, nếu bà L nhận toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng chấp nhận.

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, khoản 1 khoản 3 Điều 82, Điều 83, Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Kim L, bà L được ly hôn với ông Mai Văn V.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự. Giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục 03 con chung: Mai Văn Chương, sinh 18/12/2003, Mai Thị Thúy Vy, sinh 03/9/2005 và Mai Văn Trung, sinh 16/8/2007 cho đến khi trưởng thành; Bà L không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà L và ông V mỗi người được nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà và đất. Ông V nhận nhà đất thì hoàn lại cho bà L  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà và đất với số tiền là 99.335.700đồng

- Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Bà L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Phan Rí Cửa với toàn bộ số nợ gốc là 30.000.000đồng và lãi là 2.450.000đồng

- Về án phí: bà Nguyễn Thị Kim L và ông Mai Văn V phải chia án phí theo quy định của pháp luật

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông V, yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, yêu cầu chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ chung. xét yêu cầu của nguyên đơn và nơi cư trú của bị đơn, thì đây là vụ kiện “Ly hôn, quyền nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh B.

### **[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:**

[2.1] Về hôn nhân: bà L và ông V xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Chí Công, theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 quyền số 16 ngày 24/02/2004, tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống, cuộc sống của vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến khoảng đầu cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 02/2018 bà L đã tự chấm dứt cuộc hôn nhân bằng cách đi làm ở TP. Hồ Chí Minh cho đến nay không cai quan tâm đến ai,

Xét thấy hôn nhân giữa bà L và ông Cường, đã phát sinh mâu thuẫn từ khoảng cuối năm 2017, họ đã tự chấm dứt cuộc sống chung của vợ chồng bằng cách sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, hôn nhân của họ lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa. bà L xin ly hôn và được ông V chấp nhận. Đây là sự tự nguyện thuận tình ly hôn của các đương sự được quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: vợ chồng có 03 con chung, Mai Văn Chương, sinh 18/12/2003, Mai Thị Thúy Vy, sinh 03/9/2005 và Mai Văn Trung, sinh 16/8/2007. Ban đầu khi bà L đi TP. Hồ Chí Minh làm ăn thì các con ở nhà do ông V nuôi dưỡng, sau đó bà L đã đưa các con đi, hiện bà L đang nuôi dưỡng các con, bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 03 con đến khi thành niên, theo nguyện vọng của các con đều xin được ở với mẹ, vấn đề này được ông V chấp thuận. Đây là sự tự nguyện về quyền trực tiếp nuôi con của các đương sự được quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình

Để đảm bảo tính ổn định trong cuộc sống và sinh hoạt của con, nên cần được duy trì quyền trực tiếp nuôi con đối với bà L. Bà L không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông V.

[2.3] Về tài sản chung: có 1 căn nhà cấp 4 tại xóm 23, thôn Hà Thủy 3, xã Chí Công hiện ông V đang quản lý sử dụng (nhà của vợ chồng xây dựng năm 2012, đất của cha mẹ ông V cho năm 2008, đất hiện nay chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng nhưng đã có tên quy chủ tại thửa đất số 301; tờ bản đồ số 81, tại xóm 23, thôn Hà Thủy 3, xã Chí Công của bản đồ địa chính xã Chí Công, có diện tích là 100,7m<sup>2</sup>, theo thẩm định tại chỗ có diện tích thực tế là 98,1m<sup>2</sup> . Bà L yêu cầu căn cứ giá đã

định chia cho bà ½ giá trị căn nhà đất, nhưng ông V không chấp nhận yêu cầu của bà L, ý kiến của ông V là nhà đất này không chia mà để lại toàn bộ cho các con.

Hội đồng xét xử xét thấy căn nhà do vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, thuộc quyền sở hữu hợp nhất chung của vợ chồng, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không tự thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung, nên áp dụng Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết, việc bà L đồng ý giao tài sản cho ông V, để ông V phải hoàn lại ½ giá trị tài sản, là có căn cứ.

Căn cứ vào biên bản định giá tài sản ngày 31/10/2018 tổng giá trị nhà đất là 198.671.400đồng, các đương sự đồng ý lấy giá đã định để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.4] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L khai rằng vợ chồng có nợ của Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp & PTNT Phan Rí Cửa vay 30.000.000đ và lãi phát sinh, bà nhận trả ½ số nợ và yêu cầu ông V có trách nhiệm trả ½ số nợ. Ông V không chấp nhận yêu cầu của bà L, ông cho rằng số nợ này là do bà L vay không L quan đến trách nhiệm với ông. Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp & PTNT Phan Rí Cửa, có đơn khởi kiện và yêu cầu bà L và ông V mỗi người phải có nghĩa vụ trả ½ số nợ. Căn cứ vào hồ sơ vay vốn của Ngân hàng cung cấp thì thấy, số nợ vay vợ chồng bà L ông V, vay từ năm 2009 qua trả rồi vay lại nhiều lần với mục đích sử dụng vốn vay mua sắm lưới đánh bắt hải sản, phục vụ cho hoạt động nghề làm biển cho gia đình, đến tháng 5/2018 vay lại theo Sổ vay vốn số 201801440, phụ lục số 02B/SVV-CN, với số tiền vay 30.000.000đ mục đích mua sắm lưới; thời hạn vay 24 tháng (từ 17/5/2018 đến ngày 14/5/2020); lãi suất trong hạn 10,5% năm; lãi suất quá hạn: 15,75% năm. Lãi suất vay có điều chỉnh theo định kỳ 3 tháng/lần, phù hợp với quy định lãi suất cho vay của Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp&PTNT Bình Thuận. Hình thức cho vay tín chấp. Quá trình thực hiện hợp đồng từ khi vay tiền cho đến nay, bà L đã trả lãi đến 15/6/2018, chưa trả gốc. Tính đến nay số tiền nợ là 32.450.000 đ.(gốc: 30.000.000đ; lãi 2.450.000đ). Tại phiên tòa hôm nay, bà L tự nguyện nhận toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp&PTNT Phan Rí Cửa và được sự chấp nhận của đại diện Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp & PTNT Phan Rí Cửa, xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự không trái đạo đức xã hội và phù hợp với pháp luật, nên được công nhận.

**[3] Về án phí:** Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

**[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát** tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định như trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên,

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, 81, khoản 1 khoản 3 Điều 82, Điều 83, Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia

đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim L và ông Mai Văn V.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau:

Giao 03 con chung: Mai Văn Chương, sinh 18/12/2003, Mai Thị Thúy Vy, sinh 03/9/2005 và Mai Văn Trung, sinh 16/8/2007 cho bà L được tiếp tục quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục các con cho đến khi con đủ tuổi thành niên; Bà L không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Bà L không được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm nom và chăm sóc con chung đối với ông V

3. Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ cho Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Phan Rí Cửa với số nợ là **32.450.000 đồng (Ba mươi hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng)**. (gốc: 30.000.000đ; lãi 2.450.000 đ), kể từ ngày 23/3/2019 bà L còn phải chịu trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, được quy định tại Điều 6 Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn số 201801440, phụ lục số 02B/SVV-CN của Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Phan Rí Cửa.

4. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim L, về “Tranh chấp tài sản chung” đối với ông Mai Văn V, cụ thể như sau:

- Giao cho ông V được quyền sở hữu 1 căn nhà cấp 4B, tạm giao cho ông V được quyền sử dụng đất theo thẩm định thực tế là 98,1m<sup>2</sup> (Nhà gắn liền trên thửa đất số 301; tờ bản đồ số 81, tại xóm 23, thôn Hà Thủy 3, xã Chí Công tại Bản trích lục bản đồ địa chính ngày 31/10/2018, nhà chưa có giấy tờ công nhận chủ quyền, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện ông V đang quản lý sử dụng).

- Ông V có nghĩa vụ hoàn lại cho bà L giá trị  $\frac{1}{2}$  nhà đất nói trên là: **99.335.700 đồng (Chín mươi chín triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn bảy trăm đồng)**. Khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà L; ông V phải có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án, theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí:

- Bà L phải nộp 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 6.589.500 đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí của bà L nộp tại biên lai thu tiền số 0019009 ngày 05/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, bà L còn phải nộp 6.439.500 đồng (Sáu triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn năm trăm đồng)

- Ông V phải nộp 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 4.967.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm, có mặt các đương sự, báo cho họ biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/3/2019).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Kèm theo bản án là Trích lục bản đồ địa chính ngày 31/10/2018)

**HỘI THÀM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thông Thái    Trương Tấn Thành**

**Nguyễn Văn Thạch**